

DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 10A1 - Năm học 2026 - 2027

GVCN:

Tổ hợp môn lựa chọn: Lý, Hoá, Tin, GD KT&PL; Chuyên đề học tập: Toán, Lý, Hoá; Môn GDTC: Bóng rổ

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh (tên tỉnh)*	Giới tính	Dân tộc	Tổng điểm	Tên trường lớp 9	Ghi chú
1	LÊ THAO QUỲEN	30/07/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	41.0	Trường THCS Phúc Thọ	
2	NGUYỄN NGỌC KHƯƠNG TRANG	25/04/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	41.0	Trường THCS Lý Tự Trọng	
3	NGUYỄN CHĂNG THUY TIỀN	30/07/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	41.0	Trường THCS Lý Tự Trọng	
4	PHẠM VĂN HỒNG	26/03/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	40.0	Trường THCS Tân Văn	
5	ĐINH ĐIỂM KIEU	01/01/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	40.0	Trường THCS Lý Tự Trọng	
6	NGUYỄN MINH ANH	15/09/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	40.0	Trường THCS Tân Văn	
7	HOÀNG NGUYỄN THANH TRÚC	16/06/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	40.0	Trường THCS Lý Tự Trọng	
8	NGUYỄN LÊ NGỌC HẠ	28/06/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	40.0	Trường THCS Tân Văn	
9	NGUYỄN PHƯƠNG VY	12/10/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	40.0	Trường THCS Tân Văn	
10	CAO NHƯ QUYNH	16/12/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	40.0	Trường THCS Lý Tự Trọng	
11	NGUYỄN THUY CHÂU	12/10/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	40.0	Trường THCS Lý Tự Trọng	
12	HOÀNG LÊ TRUNG QUÂN	17/10/2011	Lâm Đồng	Nam	Kinh	40.0	Trường THCS Tân Văn	
13	TRƯƠNG THỊ MỸ DUNG	14/07/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	40.0	Trường THCS Tân Văn	
14	PHẠM ANH KHOA	11/08/2011	Lâm Đồng	Nam	Kinh	40.0	Trường THCS Tân Văn	
15	CUNG TRONG ANH KHOA	23/08/2011	Lâm Đồng	Nam	Kinh	39.0	Trường THCS Hòa Lạc	
16	PHAN THANH TÙNG	07/04/2011	TP. Cần Thơ	Nam	Kinh	39.0	Trường THCS Lý Tự Trọng	
17	NGUYỄN TAT THÀNH SANG	19/06/2011	Lâm Đồng	Nam	Kinh	39.0	Trường THCS Lý Tự Trọng	
18	LÊ GIA BAO	29/07/2011	Thanh Hóa	Nam	Kinh	39.0	Trường THCS Tân Văn	
19	BACH NGUYỄN ANH QUÂN	04/07/2011	Lâm Đồng	Nam	Kinh	38.0	Trường THCS Tân Văn	
20	ĐỖ MAI THAO NHI	28/01/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	38.0	Trường THCS Tân Văn	
21	VÕ NGỌC MINH ANH	02/01/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	38.0	Trường THCS Tân Văn	
22	VÕ HOÀNG HAI	23/12/2011	Lâm Đồng	Nam	Kinh	38.0	Trường THCS Lý Tự Trọng	
23	CAO TRÚC MAI	01/03/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	38.0	Trường THCS Tân Văn	
24	HOÀNG BUI HANH NHƯ	23/03/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	38.0	Trường THCS Lý Tự Trọng	
25	NGUYỄN BA QUỐC ẮN	25/08/2011	Lâm Đồng	Nam	Kinh	37.0	Trường THCS Tân Văn	
26	LÊ HOÀNG BAO UYÊN	09/12/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	37.0	Trường THCS Tân Văn	
27	TÔNG ĐÌNH TUAN	28/01/2011	Lâm Đồng	Nam	Kinh	37.0	Trường THCS Tân Văn	
28	LÃ HỒNG DUY	29/09/2011	Lâm Đồng	Nam	Kinh	37.0	Trường THCS Tân Văn	
29	BUI GIA BAO	26/01/2011	Lâm Đồng	Nam	Kinh	37.0	Trường THCS Tân Văn	
30	VŨ PHƯƠNG UYÊN	02/04/2011	Lâm Đồng	Nữ	Mường	37.0	Trường THCS Hòa Lạc	
31	PHAN NHẬT KHANG	17/06/2011	Lâm Đồng	Nam	Kinh	36.0	Trường THCS Lý Tự Trọng	
32	KHUU VƯƠNG BAO KHANG	11/05/2011	An Giang	Nam	Kinh	36.0	Trường THCS Lý Tự Trọng	
33	NGUYỄN NHẬT HOÀNG	20/08/2011	Lâm Đồng	Nam	Kinh	36.0	Trường THCS Hòa Lạc	
34	VY NHẬT DAN	10/02/2011	Lâm Đồng	Nữ	Thổ	36.0	Trường THCS Tân Văn	
35	TRINH MINH BAO	25/03/2011	Thanh Hóa	Nam	Kinh	36.0	Trường THCS Đạm Pao	
36	ĐINH HAI DẮNG	05/03/2011	Lâm Đồng	Nam	Kinh	36.0	Trường PTDTNT THCS Lâm Hà	
37	HOÀNG TRONG NHẢN	11/11/2011	Lâm Đồng	Nam	Thổ	34.0	Trường THCS Tân Văn	
38	PHAN NAM KHAI DẮNG	06/09/2011	Lâm Đồng	Nam	Kinh	34.0	Trường THCS Tân Văn	
39	ĐEO QUANG KHAI	22/04/2011	Lâm Đồng	Nam	Thái	33.0	Trường THCS Tân Văn	
40	KỖ SÃ K' TRITS	10/05/2011	Lâm Đồng	Nam	K'ho	33.0	Trường THCS Đạm Pao	
41	K LONG NÀ Ô RY	18/05/2011	Lâm Đồng	Nữ	Cil	33.0	Trường THCS Hòa Lạc	
42	ĐINH BUI THAO NGUYỄN	21/11/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	32.0	Trường THCS Tân Văn	
43	KA LUNG	04/05/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kơ Ho	31.0	Trường THCS Hòa Lạc	
44	HUYNH LĂNG KIEU XUÂN	15/05/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	31.0	Trường THCS Tân Văn	
45	NGUYỄN DỤC HUY	19/06/2011	Lâm Đồng	Nam	Kinh	28.0	Trường THCS Tân Văn	
46	ĐINH QUANG TIỀN	30/09/2011	Lâm Đồng	Nam	Kinh	28.0	Trường THCS Lý Tự Trọng	
47	LÊ THIÊN TÙNG	29/04/2011	Lâm Đồng	Nam	Kinh	34.0	Trường THCS Lý Tự Trọng	
48	NGUYỄN AN THY	01/09/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	38.0	Trường THCS Tân Văn	

(Danh sách này gồm 48 học sinh; trong đó có 24 học sinh nam và 24 học sinh nữ)



Nguyễn Thọ Hiền

DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 10A2 - Năm học 2026 - 2027

GVCN:

Tổ hợp môn lựa chọn: Lý, Hoá, Tin, GD KT&PL; Chuyên đề học tập: Toán, Lý, Hoá; Môn GDTC: Bóng rổ

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh (tên tỉnh)*	Giới tính	Dân tộc	Tổng điểm	Tên trường lớp 9	Ghi chú
1	BÙI QUỐC VIET	28/04/2011	Lâm Đồng	Nam	Kinh	41.0	Trường THCS Tân Văn	
2	LA BÌNH	01/01/2011	Lâm Đồng	Nam	Nùng	41.0	Trường THCS Tân Văn	
3	ĐỖ PHƯƠNG	13/01/2011	Lâm Đồng	Nữ	Nùng	41.0	Trường THCS Lý Tự Trọng	
4	TRƯỜNG GIA NHƯ	27/02/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	40.0	Trường THCS Lý Tự Trọng	
5	NGUYỄN THƯỜNG AN	10/01/2011	Lâm Đồng	Nam	Kinh	40.0	Trường THCS Lý Tự Trọng	
6	NGUYỄN HIEN BAO TRÂM	10/09/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	40.0	Trường THCS Lý Tự Trọng	
7	VÕ NGỌC THẢO NGUYỄN	02/12/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	40.0	Trường THCS Tân Văn	
8	NGUYỄN ĐẶNG THÙY AN	21/02/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	40.0	Trường THCS Lý Tự Trọng	
9	VŨ NGỌC KHÁNH ĐAN	30/10/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	40.0	Trường THCS Lý Tự Trọng	
10	NGUYỄN BAO YEN	09/04/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	40.0	Trường THCS Lý Tự Trọng	
11	NGUYỄN NGỌC DIỆP	06/02/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	40.0	Trường THCS Đam Pao	
12	ĐOÀN LÊ HUYEN TRẦN	30/09/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	40.0	Trường THCS Lý Tự Trọng	
13	PHẠM ĐĂNG HUỠ	22/04/2011	TP. Hà Nội	Nam	Kinh	40.0	Trường TH, THCS và THPT Hoàng Việt	
14	LÔ THAO VY	18/03/2011	Lâm Đồng	Nữ	Thái	40.0	Trường THCS Tân Văn	
15	NGUYỄN DUY NGỌC BAO	04/02/2011	Lâm Đồng	Nam	Kinh	39.0	Trường THCS Lý Tự Trọng	
16	PHẠM HỒNG KHÁNH AN	01/01/2011	Lâm Đồng	Nam	Kinh	39.0	Trường THCS Lý Tự Trọng	
17	NGUYỄN ĐỨC QUANG	25/08/2011	Lâm Đồng	Nam	Kinh	39.0	Trường THCS Lý Tự Trọng	
18	NGUYỄN BA MINH	15/03/2011	Lâm Đồng	Nam	Thô	39.0	Trường THCS Tân Văn	
19	LÊ THỊ THU UYÊN	27/03/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	38.0	Trường THCS Lý Tự Trọng	
20	LÊ GIA HUỠ	28/03/2011	Lâm Đồng	Nam	Kinh	38.0	Trường THCS Tân Văn	
21	HOÀNG NGỌC HUYEN	05/06/2011	Lâm Đồng	Nữ	Nùng	38.0	Trường THCS Tân Văn	
22	NGUYỄN THỊ TƯỜNG VY	20/09/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	38.0	Trường THCS Tân Văn	
23	LÊ HAI CƯỜNG	11/04/2011	Lâm Đồng	Nam	Kinh	38.0	Trường THCS Lý Tự Trọng	
24	PHẠM THANH HƯNG	02/01/2011	Lâm Đồng	Nam	Kinh	38.0	Trường THCS Tân Văn	
25	VŨ THỊ NHẬT NHI	25/03/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	37.0	Trường THCS Tân Văn	
26	NGUYỄN PHƯƠNG LINH	19/08/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	37.0	Trường THCS Lý Tự Trọng	
27	TRƯƠNG HOÀNG DIỆP BÌNH	13/12/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	37.0	Trường THCS Tân Văn	
28	TRINH TRỌNG NGHĨA	23/10/2011	Lâm Đồng	Nam	Kinh	37.0	Trường THCS Lý Tự Trọng	
29	ĐƯƠNG THẠCH ANH AN	27/01/2011	Lâm Đồng	Nam	Kinh	37.0	Trường THCS Lý Tự Trọng	
30	ĐỖ THIÊN THAO	15/01/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	37.0	Trường THCS Tân Văn	
31	HỨA NHẢ KỶ	16/02/2011	Lâm Đồng	Nữ	Thổ	37.0	Trường THPTNT THCS Lâm Hà	
32	NGUYỄN KHẮC BAO LONG	15/01/2011	Lâm Đồng	Nam	Kinh	36.0	Trường THCS Lý Tự Trọng	
33	CAO THUY TIỀN	30/11/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	36.0	Trường THCS Lý Tự Trọng	
34	PHẠM KHÁNH NGÂN	02/09/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	36.0	Trường THCS Hòa Lạc	
35	HUỶNH LÊ THỐNG TUE	06/12/2011	Lâm Đồng	Nam	Kinh	36.0	Trường THCS Lý Tự Trọng	
36	NGUYỄN HOÀNG GIA PHÚC	07/04/2011	Lâm Đồng	Nam	Kinh	35.0	Trường THCS Tân Văn	
37	TRAN QUANG LONG	29/03/2011	Lâm Đồng	Nam	Kinh	35.0	Trường THCS Tân Văn	
38	BẠCH NGỌC GIA HÂN	12/05/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	34.0	Trường THCS Hòa Lạc	
39	HUỶNH HOÀNG HAC	21/04/2011	Lâm Đồng	Nam	Kinh	33.0	Trường THCS Hòa Lạc	
40	LÊ THANH BÌNH	08/05/2011	Lâm Đồng	Nam	Kinh	33.0	Trường THCS Tân Văn	
41	ĐINH NGỌC NGÂN	12/11/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	32.0	Trường THCS Lý Tự Trọng	
42	ĐẶNG XUÂN AN	08/08/2011	Lâm Đồng	Nam	Kinh	31.0	Trường THCS Tân Văn	
43	KÀ QUỲNH HUÔNG	16/07/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kơ ho	31.0	Trường THCS Lý Tự Trọng	
44	PHUNG DĂNG PHI	19/05/2011	Lâm Đồng	Nam	Kinh	30.0	Trường THCS Đam Pao	
45	PHẠM THE HUỠ	16/11/2011	Lâm Đồng	Nam	Kinh	29.0	Trường THCS Hòa Lạc	
46	ĐINH ĐỨC VIET	06/10/2011	Lâm Đồng	Nam	Kinh	38.0	Trường THCS Lý Tự Trọng	
47	LONG ĐÌNH ANH THY	02/04/2011	Lâm Đồng	Nữ	cil	38.0	Trường THCS Đam Pao	
48	NGUYỄN ANH ĐỨC	22/11/2008	Lâm Đồng	Nam	Kinh	28.0	Trường THCS Lý Tự Trọng	

(Danh sách này gồm 48 học sinh; trong đó có 24 học sinh nam và 08 học sinh nữ)



Nguyễn Thọ Hiền

DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 10A3 - Năm học 2026 - 2027

GVCN:

Tổ hợp môn lựa chọn: Sinh, CNCN, Địa, Tin; Chuyên đề học tập: Toán, Văn, Sinh; Môn GDTC: Bóng đá

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh (tên tỉnh)*	Giới tính	Dân tộc	Tổng điểm	Tên trường lớp 9	Ghi chú
1	HOÀNG NGUYỄN PHƯƠNG VY	02/10/2011	Hà Tĩnh	Nữ	Kinh	40,0	Trường THCS Lý Tự Trọng	
2	NGUYỄN THỊ TÚ QUYNH	20/06/2011	TP. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	40,0	Trường THCS Lý Tự Trọng	
3	LỖ THỊ ANH	02/06/2011	Lâm Đồng	Nữ	Thái	38,0	Trường THCS Tân Văn	
4	RÕ ỒNG KÀ	09/06/2011	Lâm Đồng	Nữ	Cil	38,0	Trường THCS Hòa Lạc	
5	LÊ VÕ ĐĂNG KHÔI	05/08/2011	Lâm Đồng	Nam	Kinh	38,0	Trường THCS Tân Văn	
6	TRAN PHẠM QUYNH NHI	04/04/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	37,0	Trường THCS Lý Tự Trọng	
7	KÀ JO	08/08/2011	Lâm Đồng	Nữ	Cil	37,0	Trường THCS Hòa Lạc	
8	LỖ MU MI	12/02/2011	Lâm Đồng	Nữ	Cil	37,0	Trường THCS Hòa Lạc	
9	TRAN NGUYỄN BAO TRẦN	14/01/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	36,0	Trường THCS Lý Tự Trọng	
10	NGUYỄN NGỌC BAO TRẦN	17/05/2011	Khánh Hòa	Nữ	Kinh	36,0	Trường THCS Lý Tự Trọng	
11	RÕ ỒNG KÀ THUYỀN	13/09/2011	Lâm Đồng	Nữ	Cil	35,0	Trường THCS Hòa Lạc	
12	ĐEO THỊ KIM CHÂU	13/03/2011	Lâm Đồng	Nữ	Thái	35,0	Trường THCS Lý Tự Trọng	
13	LỖ MU ALI	27/05/2011	Lâm Đồng	Nữ	Cil	35,0	Trường THCS Tân Văn	
14	KÀ TRÀ	27/05/2011	Lâm Đồng	Nữ	K'Ho	35,0	Trường THCS Lý Tự Trọng	
15	LIỄNG HỒT HẠ A SAP	06/05/2011	Lâm Đồng	Nam	Cil	34,0	Trường THCS Hòa Lạc	
16	PHAN THÁI HÀ	01/07/2011	Hưng Yên	Nữ	Kinh	33,0	Trường THCS Phan Chu Trinh	
17	NGUYỄN NGỌC BAO NHƯ	28/08/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	30,0	Trường THCS Lý Tự Trọng	
18	VŨ THỊ BÍCH NHÂN	21/08/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	32,0	Trường THCS Lý Tự Trọng	
19	LÊ THE ANH	22/08/2011	Phủ Tho	Nam	Kinh	32,0	Trường THCS Lý Tự Trọng	
20	LÊ THỊ NGỌC HUYỀN	22/02/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	32,0	Trường THCS Lý Tự Trọng	
21	ĐOÀN THANH DUỐC	03/04/2011	Lâm Đồng	Nam	Kinh	32,0	Trường THCS Tân Văn	
22	NGUYỄN VĂN TOÀN	19/04/2011	Lâm Đồng	Nam	Kinh	32,0	Trường THCS Hòa Lạc	
23	ĐINH THỊ LAM PHUÔNG	12/06/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	30,0	Trường THCS Lý Tự Trọng	
24	K' DO KHAI	10/12/2011	Lâm Đồng	Nam	K'Ho	32,0	Trường THCS Tân Văn	
25	BON DINH KÀ ZEN NY	09/05/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kơ Ho	31,0	Trường THCS Lý Tự Trọng	
26	BÙI THỊ THUY TRANG	27/10/2011	TP. Hồ Chí Minh	Nữ	Mường	31,0	Trường THCS Hòa Lạc	
27	KÀ THAI	16/01/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kơ Ho	31,0	Trường THCS Lý Tự Trọng	
28	RÕ ỒNG MIKA EL	23/08/2011	Lâm Đồng	Nữ	Cil	31,0	Trường THCS Hòa Lạc	
29	DANH K' ĐĂNG	14/09/2011	Lâm Đồng	Nam	Kơ Ho	30,0	Trường THCS Lý Tự Trọng	
30	TRƯỜNG TRIEU LONG	12/06/2011	Lâm Đồng	Nam	Mường	30,0	Trường THCS Tân Văn	
31	ĐINH TRỌNG HIEU	15/08/2011	Lâm Đồng	Nam	Kinh	30,0	Trường THCS Lý Tự Trọng	
32	LỖ MU HA THƯ	11/04/2011	Lâm Đồng	Nam	Cil	30,0	Trường THCS Hòa Lạc	
33	DƯ VŨ ANH TUAN	14/02/2011	Lâm Đồng	Nam	Hoa	29,0	Trường THCS Lý Tự Trọng	
34	ĐOÀN NGUYỄN DUY PHƯỚC	09/06/2011	Lâm Đồng	Nam	Kinh	29,0	Trường THCS Tân Văn	
35	NGUYỄN THỊ NGỌC CHÂU	27/06/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	29,0	Trường THCS Lý Tự Trọng	
36	YÀ K' THINH	18/03/2011	Lâm Đồng	Nam	Kơ Ho	29,0	Trường THCS Lý Tự Trọng	
37	KÀ THUAN	14/12/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kơ Ho	29,0	Trường THCS Lý Tự Trọng	
38	PHI SƠN K' LY PÔN	06/06/2011	Lâm Đồng	Nữ	Cil	29,0	Trường THCS Lý Tự Trọng	
39	K' BIL GIA VŨ	11/09/2011	Lâm Đồng	Nam	Kơ Ho	28,0	Trường THCS Lý Tự Trọng	
40	LÊ NGỌC TRÂM	15/03/2009	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	28,0	Trường THCS Tân Văn	
41	NGUYỄN NGỌC THAI	04/03/2011	Lâm Đồng	Nam	Kinh	28,0	Trường THCS Lý Tự Trọng	
42	K' RÕ JANG A MÓS	19/07/2011	Lâm Đồng	Nam	Cil	28,0	Trường THCS Hòa Lạc	
43	K' THANG	13/02/2011	Lâm Đồng	Nam	K'ho	27,0	Trường THCS Tân Văn	
44	ĐO TRƯỜNG GIANG	26/10/2011	Lâm Đồng	Nam	kinh	27,0	Trường THCS Lý Tự Trọng	
45	NÔNG ĐỨC HOÀNG	08/10/2011	Lâm Đồng	Nam	Nùng	27,0	Trường THCS Tân Văn	
46	VŨ ANH MINH	08/09/2011	Lâm Đồng	Nam	Kinh	27,0	Trường THCS Tân Văn	
47	MAI TRAN NGUYỄN VŨ	01/09/2011	Lâm Đồng	Nam	Kinh	33,0	Trường THCS Lý Tự Trọng	

(Danh sách này gồm 47 học sinh; trong đó có 22 học sinh nam và 24 học sinh DTTS)

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thọ Hiền

DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 10A4 - Năm học 2026 - 2027

GVCN:

Tổ hợp môn lựa chọn: Sinh, CNCN, Địa, Tin; Chuyên đề học tập: Toán, Văn, Sinh; Môn GDTC: Bóng đá

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh (tên tỉnh)*	Giới tính	Dân tộc	Tổng điểm	Tên trường lớp 9	Ghi chú
1	PHAN QUYNH AN	08/11/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	40,0	Trường THCS Lý Tự Trọng	
2	ĐINH LÊ BAO ANH	06/08/2011	TP. Hồ Chí Minh	Nữ	Kinh	40,0	Trường THCS Lý Tự Trọng	
3	TRAN NGOC TU UYÊN	05/10/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	38,0	Trường THCS Dam Pao	
4	LÝ BAO VY	20/10/2011	Lâm Đồng	Nữ	Hoa	38,0	Trường THCS Tân Văn	
5	NGUYỄN XUÂN BAO TÍN	09/03/2010	TP. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	38,0	Trường THCS Hòa Lạc	
6	TRINH LÊ UYÊN NHI	11/10/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	37,0	Trường THCS Lý Tự Trọng	
7	K' HIEN	01/02/2011	Lâm Đồng	Nữ	K'ho	37,0	Trường THCS Dam Pao	
8	KA THU	11/11/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kơ ho	37,0	Trường THCS Lý Tự Trọng	
9	DUONG TRIEU VY	30/01/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	36,0	Trường THCS Lý Tự Trọng	
10	CAO XUÂN HÙNG	11/12/2011	Lâm Đồng	Nam	Kinh	36,0	Trường THCS Lý Tự Trọng	
11	KA THUY	06/05/2011	Lâm Đồng	Nữ	K' Ho	35,0	Trường THCS Lý Tự Trọng	
12	LUÔNG PHAN HOANG GIA	08/07/2011	Lâm Đồng	Nam	Kinh	35,0	Trường THCS Tân Văn	
13	NGUYEN BAO YEN VY	27/12/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	35,0	Trường THCS Lý Tự Trọng	
14	LUÔNG HOANG NAM	01/09/2011	Lâm Đồng	Nam	Nùng	35,0	Trường THCS Tân Văn	
15	LAI NGUYEN TUAN HUNG	24/05/2011	Lâm Đồng	Nam	Kinh	34,0	Trường THCS Lý Tự Trọng	
16	K' HAN	01/04/2011	Lâm Đồng	Nữ	K' ho	33,0	Trường THCS Tân Văn	
17	KA HY	07/12/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kơ-ho	33,0	Trường THCS Lý Tự Trọng	
18	K' QUÝ	02/10/2011	Lâm Đồng	Nam	K' ho	33,0	Trường THCS Lý Tự Trọng	
19	HO TRẢ MY	16/05/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	32,0	Trường THCS Lý Tự Trọng	
20	TRAN NGUYEN KIM CHI	14/03/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	32,0	Trường THCS Hòa Lạc	
21	NGUYEN DOAN PHONG	11/03/2011	Lâm Đồng	Nam	Kinh	32,0	Trường THCS Tân Văn	
22	NGUYEN VAN THIEN	02/01/2011	Lâm Đồng	Nam	Kinh	32,0	Trường THCS Lý Tự Trọng	
23	KO JA SUIN	06/03/2011	Lâm Đồng	Nữ	Cil	32,0	Trường THCS Lý Tự Trọng	
24	LÊ HỮU ANH DUNG	31/01/2011	Lâm Đồng	Nam	Kinh	32,0	Trường THCS Tân Văn	
25	K' PHAM HOANG ANH	21/05/2011	Lâm Đồng	Nam	Kơ Ho	31,0	Trường THCS Lý Tự Trọng	
26	KA CHUYEN	22/04/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kơ Ho	31,0	Trường THCS Lý Tự Trọng	
27	NGUYEN THI LAM OANH	27/12/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	31,0	Trường THCS Dam Pao	
28	HOANG THANH THU	05/04/2011	Lâm Đồng	Nữ	Hoa	31,0	Trường THCS Tân Văn	
29	DANH THI KA HUONG	04/11/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kơ Ho	30,0	Trường THCS Lý Tự Trọng	
30	NGUYEN HIEU PHAT	25/10/2011	Lâm Đồng	Nam	Kinh	30,0	Trường THCS Hòa Lạc	
31	KA THUY CHI	18/12/2010	Lâm Đồng	Nữ	Cơ-ho	30,0	Trường THCS Tân Văn	
32	MAI KHANH LINH	17/01/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	30,0	Trường THCS Dam Pao	
33	NGUYEN THI BAO HAN	20/08/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	29,0	Trường THCS Tân Văn	
34	K' THIEN DIEN	20/02/2011	Lâm Đồng	Nam	cơ -ho	29,0	Trường THCS Hòa Lạc	
35	VÔ THIEN BAO	19/06/2011	Lâm Đồng	Nam	Kinh	29,0	Trường THCS Tân Văn	
36	KO SÁ HAN NAM	19/11/2011	Lâm Đồng	Nam	Cil	29,0	Trường THCS Hòa Lạc	
37	K' DOANH	05/10/2011	Lâm Đồng	Nữ	Cơ-ho	29,0	Trường THCS Tân Văn	
38	K' THUYET	22/05/2011	Lâm Đồng	Nữ	Cơ-ho	29,0	Trường THCS Tân Văn	
39	NGUYEN TUAN VU	25/07/2011	Lâm Đồng	Nam	Kinh	28,0	Trường THCS Hòa Lạc	
40	K' DU SEP	23/12/2011	Lâm Đồng	Nam	Kơ Ho	28,0	Trường THCS Lý Tự Trọng	
41	K' VI OANH	19/08/2011	Lâm Đồng	Nữ	K' ho	28,0	Trường THCS Tân Văn	
42	NGUYEN HONG PHONG	12/11/2011	Lâm Đồng	Nam	Kinh	27,0	Trường THCS Tân Văn	
43	K' KHIEH	24/11/2011	Lâm Đồng	Nam	Kơ Ho	27,0	Trường THCS Lý Tự Trọng	
44	K' THIEN VINH	07/12/2011	Lâm Đồng	Nam	Kơ ho	27,0	Trường THCS Lý Tự Trọng	
45	NGUYEN DINH K' HIEU	22/04/2011	Lâm Đồng	Nam	K' ho	27,0	Trường THCS Lý Tự Trọng	
46	K' THUẬN	11/06/2010	Lâm Đồng	Nam	Kơ Ho	27,0	Trường THCS Lý Tự Trọng	
47	K' HOANG NGUYEN	19/01/2011	Lâm Đồng	Nam	Kơ ho	24,0	Trường PTDTNT THCS Lâm Hà	

(Danh sách này gồm 47 học sinh; trong đó có 22 học sinh nam và 23 học sinh nữ)

PHÓ HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG
TRUNG HỌC PHỔ THÔNG
LÂM HÀ
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH LÂM ĐỒNG
Nguyễn Thọ Hiền

DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 10A5 - Năm học 2026 - 2027

GVCN:

Tổ hợp môn lựa chọn: Sinh, CNCN, Địa, Tin; Chuyên đề học tập: Toán, Văn, Sinh; Môn GDTC: Bóng đá

Tổ hợp môn lựa chọn: Sinh, CNCN, Địa, Tin; Chuyên đề học tập: Toán, Văn, Sinh; Môn GDTC: Bóng đá									
STT	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh (tên tỉnh)*	Giới tính	Dân tộc	Tổng điểm	Tên trường lớp 9	Ghi chú
1	KA VY	TUYET	06/09/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kơ ho	40,0	Trường PTDTNT THCS Lâm Hà	
2	NGUYỄN NHẬT	HUY	16/05/2011	Lâm Đồng	Nam	Kinh	40,0	Trường THCS Hòa Lạc	
3	ĐINH MINH	TÂM	12/03/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	39,0	Trường THCS Đạm Pao	
4	LÊ THỊ HOÀI	THƯƠNG	02/01/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	38,0	Trường THCS Tân Văn	
5	VOÔNG LÝ BAO	QUYỀN	26/05/2011	Lâm Đồng	Nữ	Hoa	38,0	Trường THCS Tân Văn	
6	NGUYỄN HÀ	MY	06/07/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	37,0	Trường THCS Lý Tự Trọng	
7	NGUYỄN HOÀNG HUYEN	DIÊU	04/07/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	37,0	Trường THCS Lý Tự Trọng	
8	PHẠM THỊ KIM	THI	01/12/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	37,0	Trường THCS Tân Văn	
9	HOÀNG HẢI THANH	TRÚC	28/11/2011	Lâm Đồng	Nữ	Tây	37,0	Trường THCS Tân Thành	
10	HOÀNG XUÂN	SANG	04/10/2011	Lâm Đồng	Nam	Kinh	36,0	Trường THCS Đạm Pao	
11	VŨ TIEN	ĐẠT	23/07/2011	Lâm Đồng	Nam	Kinh	36,0	Trường THCS Tân Văn	
12	KA	DIỆP	31/01/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kơ Ho	35,0	Trường THCS Lý Tự Trọng	
13	TRẦN HỮU	HOÀNG	24/09/2011	Lâm Đồng	Nam	Kinh	35,0	Trường THCS Tân Văn	
14	HOÀNG THỊ KIM	LIÊN	28/06/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	34,0	Trường THCS Lý Tự Trọng	
15	NGUYỄN ĐÌNH	THUAN	06/04/2011	Lâm Đồng	Nam	Kinh	34,0	Trường THCS Tân Văn	
16	ĐOÀN NGUYỄN DUY	PHÚC	09/06/2011	Lâm Đồng	Nam	Kinh	33,0	Trường THCS Tân Văn	
17	LÊ THỊ TƯỜNG	VY	09/02/2011	Lâm Đồng	Nữ	Nùng	33,0	Trường THCS Hòa Lạc	
18	KA	DUỘC	24/08/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kơ Ho	33,0	Trường THCS Lý Tự Trọng	
19	K' B'NÁHRIA THANH	THIÚY	24/10/2011	Lâm Đồng	Nữ	K' Ho	33,0	Trường THCS Tân Văn	
20	KA PHƯƠNG	NGHI	01/08/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kơ Ho	32,0	Trường THCS Lý Tự Trọng	
21	NGUYỄN KHẮC BAO	DUY	15/01/2011	Lâm Đồng	Nam	Kinh	32,0	Trường THCS Lý Tự Trọng	
22	PHẠM GIA	HUY	22/12/2011	Lâm Đồng	Nam	Kinh	32,0	Trường THCS Tân Văn	
23	ĐINH CÔNG	TRONG	16/03/2011	Lâm Đồng	Nam	Kinh	32,0	Trường THCS Hòa Lạc	
24	NGUYỄN QUÝ	CAO	27/05/2011	Lâm Đồng	Nam	Kinh	32,0	Trường THPT ISchool Ninh Thuận	
25	TRẦN PHẠM VINH	PHÚC	08/06/2011	Lâm Đồng	Nam	Kinh	32,0	Trường THCS Tân Văn	
26	CÀ NGUYỄN DUY	TÂN	18/09/2011	Lâm Đồng	Nam	Thái	32,0	Trường THCS Tân Văn	
27	KA HA	DOANH	16/04/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kơ Ho	31,0	Trường THCS Lý Tự Trọng	
28	NGUYỄN NHẬT	ANH	04/10/2011	Lâm Đồng	Nam	Kinh	31,0	Trường THCS Tân Văn	
29	K' SA LỒ	MÔN	01/12/2011	Lâm Đồng	Nam	Cơ-ho	31,0	Trường THCS Tân Văn	
30	ĐA CHA KA ỨN	NHI	20/05/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kơ ho	30,0	Trường THCS Lý Tự Trọng	
31	HÀ ANH	KHOA	28/02/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh	30,0	Trường THCS Tân Văn	
32	KA MINH	HONG	01/10/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kơ Ho	29,0	Trường THCS Lý Tự Trọng	
33	KA PHƯƠNG	LAN	22/12/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kơ Ho	29,0	Trường THCS Lý Tự Trọng	
34	K'	THIS	22/03/2011	Lâm Đồng	Nam	Kơ Ho	29,0	Trường THCS Lý Tự Trọng	
35	KA	THU	04/01/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kơ Ho	29,0	Trường THCS Hòa Lạc	
36	NGUYỄN VŨ MINH	QUÂN	17/03/2011	Lâm Đồng	Nam	Kinh	29,0	Trường THCS Lý Tự Trọng	
37	KA	TRÚC	24/08/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kơ Ho	29,0	Trường THCS Lý Tự Trọng	
38	HA	TÍN	13/10/2011	Lâm Đồng	Nam	Cil	29,0	Trường THCS Hòa Lạc	
39	KA	LAM	20/05/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kơ ho	28,0	Trường THCS Lý Tự Trọng	
40	RỒ ỜNG RA	BAN	01/08/2011	Lâm Đồng	Nam	Cil	28,0	Trường THCS Hòa Lạc	
41	KA	QUYNH	24/07/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kơ ho	28,0	Trường THCS Lý Tự Trọng	
42	NGUYỄN HONG	NHUNG	12/08/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	27,0	Trường THCS Đạm Pao	
43	KA	CHUYS	29/11/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kơ Ho	27,0	Trường THCS Lý Tự Trọng	
44	PHẠM MINH	ĐĂNG	20/04/2011	Lâm Đồng	Nam	Kinh	27,0	Trường THCS Lý Tự Trọng	
45	K' LÝ TUAN	KHANG	23/11/2011	Lâm Đồng	Nam	Ma	27,0	Trường THCS Tân Văn	
46	BUI NHAT	HUY	02/05/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh		Xin học lại	
47	LỖ MU HA	TÍN	01/06/2011	Lâm Đồng	Nam	Cil	28,0	Trường THCS Hòa Lạc	

(Danh sách này gồm 47 học sinh: trong đó có 22 học sinh nam và 23 học sinh DTTS)



Nguyễn Thọ Hiền

DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 10A6 - Năm học 2026 - 2027

GVCN:

Tổ hợp môn lựa chọn: Lý, Địa, Tin, GD KT&PL; Chuyên đề học tập: Toán, Văn, Lý ; Môn GDTC: Bóng đá

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh (tên tỉnh)*	Giới tính	Dân tộc	Tổng điểm	Tên trường lớp 9	Ghi chú
1	HO MANH PHƯƠNG	17/04/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	40,0	Trường THCS Hòa Lạc	
2	NGUYỄN THIÊN AN	20/11/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	40,0	Trường THCS Lý Tự Trọng	
3	NGUYỄN THỊ BÍCH BAO	27/03/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	40,0	Trường THCS Lý Tự Trọng	
4	BÙI THỊ NHƯ QUYNH	10/01/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	40,0	Trường THCS Lý Tự Trọng	
5	TRAN NGOC HẠ	03/03/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	40,0	Trường THCS Lý Tự Trọng	
6	ĐOÀN LÊ YEN NHI	05/09/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	40,0	Trường THCS Lý Tự Trọng	
7	PHÙNG THỊ NGOC HẠ	13/09/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	40,0	Trường THCS Tân Văn	
8	NGUYỄN NGOC GIA PHÚC	22/11/2011	Lâm Đồng	Nam	Kinh	39,0	Trường THCS Lý Tự Trọng	
9	BÙI TÂM NHƯ	02/04/2011	Lâm Đồng	Nữ	Mường	38,0	Trường THCS Lý Tự Trọng	
10	ĐO HÀ TRÍ NHẬN	14/05/2011	Lâm Đồng	Nam	Kinh	38,0	Trường THCS Lý Tự Trọng	
11	TRAN BAO TRANG	02/06/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	37,0	Trường THCS Lý Tự Trọng	
12	ĐINH CÔNG THIÊN AN	16/01/2011	Lâm Đồng	Nam	Kinh	37,0	Trường THCS Lý Tự Trọng	
13	NGÔ THANH NHƯ	07/08/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	37,0	Trường THCS Hòa Lạc	
14	NGUYEN BICH THAO	29/03/2011	TP. Hà Nội	Nữ	Kinh	37,0	Trường THCS Lý Tự Trọng	
15	HỒ ANH TAT THÀNH	20/08/2011	Lâm Đồng	Nam	Kinh	37,0	Trường THCS Tân Văn	
16	PHẠM THỊ HẠ MI	28/07/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	36,0	Trường THCS Lý Tự Trọng	
17	LÊ TRUNG QUỐC BAO	04/08/2011	Lâm Đồng	Nam	Kinh	36,0	Trường THCS Tân Văn	
18	LÊ DUY KHÁNH	19/07/2011	Lâm Đồng	Nam	Kinh	36,0	Trường THCS Lý Tự Trọng	
19	TRAN NHẬT PHÚ	04/01/2011	Quảng Ngãi	Nam	Kinh	36,0	Trường THCS Lý Tự Trọng	
20	TRAN NGOC HOANG ANH	10/01/2011	Lâm Đồng	Nữ	Nùng	35,0	Trường THCS Lý Tự Trọng	
21	NGUYỄN KHÁC TRIEU	09/10/2011	Lâm Đồng	Nam	Kinh	35,0	Trường THCS Hòa Lạc	
22	VÕ MAI ANH	07/03/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	35,0	Trường THCS Lý Tự Trọng	
23	NGUYỄN DUY KHÁNH	11/10/2011	Lâm Đồng	Nam	Nùng	35,0	Trường THCS Tân Văn	
24	TRAN BAO THIÊN	02/11/2011	Hà Tĩnh	Nam	Kinh	34,0	Trường THCS Tân Văn	
25	PHAN CANH NAM	29/05/2011	Lâm Đồng	Nam	Kinh	33,0	Trường THCS Hòa Lạc	
26	NGUYỄN ĐỨC TRƯỜNG	09/01/2011	Lâm Đồng	Nam	Kinh	33,0	Trường THCS Tân Văn	
27	K' MINH HOÀNG	26/10/2011	Lâm Đồng	Nam	Kơ ho	32,0	Trường THCS Lý Tự Trọng	
28	HOÀNG NGOC DIỆP	22/05/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	31,0	Trường THCS Lý Tự Trọng	
29	BON YỖ THỦY LINH	31/01/2011	Lâm Đồng	Nữ	Lạch	31,0	Trường THCS Tân Văn	
30	LÊ NGUYỄN HUYEN TRÂM	09/05/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	31,0	Trường THCS Tân Văn	
31	NGUYỄN ĐỨC HOANG LONG	24/08/2011	Lâm Đồng	Nam	Kinh	30,0	Trường THCS Lý Tự Trọng	
32	HOÀNG TRỌNG ANH PHÚ	05/02/2011	Lâm Đồng	Nam	Kinh	30,0	Trường THCS Hòa Lạc	
33	TRAN GIA BAO THIÊN	04/04/2011	Lâm Đồng	Nam	Kinh	29,0	Trường THCS Lý Tự Trọng	
34	PHAN THANH TUYEN	27/01/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	29,0	Trường THCS Hòa Lạc	
35	K LONG HUN ĐA	28/11/2011	Lâm Đồng	Nữ	Cil	29,0	Trường THCS Hòa Lạc	
36	TRAN NHẬT QUỐC AN	20/03/2011	Lâm Đồng	Nam	Kinh	28,0	Trường THCS Lý Tự Trọng	
37	KA SỎ	26/08/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kơ Ho	28,0	Trường THCS Lý Tự Trọng	
38	CIL MÚP TI MỎ THE	13/06/2011	Lâm Đồng	Nam	Cil	28,0	Trường THCS Hòa Lạc	
39	HOÀNG NGUYEN ANH THƯ	16/10/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	28,0	Trường THCS Lý Tự Trọng	
40	TRAN NGOC LAN ANH	07/09/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	27,0	Trường THCS Lý Tự Trọng	
41	LÊ NGOC KHANH THUONG	10/10/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	32,0	Trường THCS Lý Tự Trọng	
42	LÊ CHÍ DŨNG	17/07/2011	Lâm Đồng	Nam	Kinh	32,0	Trường THCS Lý Tự Trọng	
43	KA THUC	21/10/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kơ Ho	29,5	Trường THCS Lý Tự Trọng	
44	LÊ NGUYỄN VŨ	19/01/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh		Xin học lại	
45	TRINH TIEN DŨNG	23/07/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh		Xin học lại	

(Danh sách này gồm 45 học sinh; trong đó có 21 học sinh nam và 09 học sinh DTTS)

PHÓ HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG
TRUNG HỌC PHỔ THÔNG
LÂM HÀ
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH LÂM ĐỒNG

Nguyễn Thọ Hiền

DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 10A7 - Năm học 2026 - 2027

<i>Tô hợp môn lựa chọn: Lý, Địa, Tin, GD KT&PL; Chuyên đề học tập: Toán, Văn, Lý; Môn GDTC: Bóng chuyền</i>								
STT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Tổng điểm	Tên trường lớp 9	Ghi chú
1	LÔ MÙ SÀN ĐÌ	08/11/2011	Lâm Đồng	Nữ	Cil	41,0	Trường THCS Hòa Lạc	
2	NGUYỄN ĐỨC THỰC AN	30/09/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	40,0	Trường THCS Lý Tự Trọng	
3	NGUYỄN NGỌC THAO NGUYỄN	07/02/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	40,0	Trường THCS Lý Tự Trọng	
4	NGUYỄN HOÀNG NGÂN HÀ	20/08/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	40,0	Trường THCS Lý Tự Trọng	
5	MAI QUYNH ANH	03/02/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	40,0	Trường THCS Tân Văn	
6	HO MẠNH PHƯƠNG	17/04/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	40,0	Trường THCS Hòa Lạc	
7	KÀ THỊ THANH TRÚC	07/06/2011	Lâm Đồng	Nữ	Thái	40,0	Trường THCS Tân Văn	
8	ĐÀO DƯƠNG NGỌC THAO	04/01/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	39,0	Trường THCS Lý Tự Trọng	
9	NGUYỄN TRẦN TUÔNG AN	30/12/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	39,0	Trường THCS Lý Tự Trọng	
10	NGUYỄN VŨ MINH CHÍ	07/01/2011	Lâm Đồng	Nam	Kinh	38,0	Trường THCS Lý Tự Trọng	
11	PHẠM ĐÌNH TUÂN ANH	17/03/2011	Lâm Đồng	Nam	Kinh	38,0	Trường THCS Tân Văn	
12	BUI PHƯƠNG UYÊN	06/03/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	37,0	Trường THCS Lý Tự Trọng	
13	NGUYỄN TRẦN BAO TRÂM	27/12/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	37,0	Trường THCS Lý Tự Trọng	
14	TRƯƠNG THỊ NGỌC UYÊN	11/06/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	37,0	Trường THCS Tân Văn	
15	CÀ NGUYỄN UYÊN TRANG	25/02/2011	Lâm Đồng	Nữ	Thái	37,0	Trường THCS Tân Văn	
16	NGUYỄN NHẬT BAO NAM	23/11/2011	Lâm Đồng	Nam	Kinh	36,0	Trường THCS Lý Tự Trọng	
17	TRAN HONG HẠNH	02/01/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	36,0	Trường THCS Lý Tự Trọng	
18	ĐOÀN ANH THU	25/06/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	36,0	Trường THCS Tân Văn	
19	LÊ NGỌC QUYÊN	17/07/2011	Lâm Đồng	Nam	Kinh	36,0	Trường THCS Lý Tự Trọng	
20	LÊNG UYÊN GIANG	22/04/2011	Lâm Đồng	Nữ	Nùng	35,0	Trường THCS Lý Tự Trọng	
21	HUYNH GIA BAO	25/02/2011	Lâm Đồng	Nam	Kinh	35,0	Trường THCS Lý Tự Trọng	
22	LÊ QUANG THIÊN PHU	10/01/2011	Lâm Đồng	Nam	Kinh	35,0	Trường THCS Lý Tự Trọng	
23	RÕNG KÀ YEN	19/03/2011	Lâm Đồng	Nữ	Cil	35,0	Trường THCS Hòa Lạc	
24	PHẠM VY OANH	06/11/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	34,0	Trường THCS Lý Tự Trọng	
25	TRAN NGOC GIA HUY	28/06/2011	TP. Hà Nội	Nam	Kinh	33,0	Trường THCS Lý Tự Trọng	
26	TRAN ĐĂNG THIÊN AN	18/12/2011	Lâm Đồng	Nam	Kinh	32,0	Trường THCS Hòa Lạc	
27	NGUYỄN HÀ HUY	13/09/2011	TP. Hà Nội	Nam	Kinh	32,0	Trường THCS Lý Tự Trọng	
28	NGÔ THỊ XUÂN THU	15/02/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	31,0	Trường THCS Lý Tự Trọng	
29	TRAN NGOC KHANH THY	04/12/2011	Lâm Đồng	Nữ	Tây	31,0	Trường THCS Hòa Lạc	
30	HOÀNG HÀ YEN NHI	23/09/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	31,0	Trường THCS Lý Tự Trọng	
31	LÊ MINH ĐĂNG	18/02/2011	Lâm Đồng	Nam	Kinh	30,0	Trường THCS Lý Tự Trọng	
32	NGUYỄN VIỆT DUY KHANG	24/12/2011	Lâm Đồng	Nam	Kinh	30,0	Trường THCS Hòa Lạc	
33	ĐO PHAN MINH HÓA	15/11/2011	Lâm Đồng	Nam	Kinh	29,0	Trường THCS Lý Tự Trọng	
34	NGUYỄN TIEN ĐỨC	18/01/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh	29,0	Trường THCS Lý Tự Trọng	
35	NGUYỄN ĐỨC TOÀN	19/03/2011	Lâm Đồng	Nam	Kinh	29,0	Trường THCS Tân Văn	
36	KÀ HUÔNG	28/09/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kor Ho	28,0	Trường THCS Hòa Lạc	
37	LUC HUYNH MINH NGUYỄN	28/10/2011	Lâm Đồng	Nam	Nùng	28,0	Trường THCS Hòa Lạc	
38	KÓ SẢ HA KIÊN	02/11/2011	Lâm Đồng	Nam	Cil	28,0	Trường THCS Hòa Lạc	
39	TRAN NGUYEN NGOC MY	15/12/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	27,0	Trường THCS Lý Tự Trọng	
40	NGUYỄN CÔNG TRI	20/01/2011	Lâm Đồng	Nam	Kinh	37,0	Trường THCS Lý Tự Trọng	
41	BUI BÀ KHÁNH	14/03/2011	Lâm Đồng	Nam	Kinh	36,0	Trường THCS Lý Tự Trọng	
42	KÀ HOÀNG MINH QUÂN	17/05/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kor ho	36,0	Trường THCS Lý Tự Trọng	
43	PHẠM ĐẠT GIA BAO	03/04/2011	Lâm Đồng	Nam	Hoa	34,0	Trường THCS Tân Văn	
44	VÕ NGUYỄN NGOC NGÂN	27/11/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	31,0	Trường THCS Hòa Lạc	
45	KON SỎ HA ĐÔNG	30/12/2010	Lâm Đồng	Nam	Cơ ho		Xin học lại	

(Danh sách này gồm 45 học sinh; trong đó có 20 học sinh nam và 11 học sinh DTTS)

PHÓ HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG
TRUNG HỌC PHỔ THÔNG
LÂM HÀ
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH LÂM ĐỒNG
★ Nguyễn Thọ Hiền

DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 10A8 - Năm học 2026 - 2027

GVCN:

Tổ hợp môn lựa chọn: Lý, Địa, Tin, GD KT&PL; Chuyên đề học tập: Toán, Văn, Lý; Môn GDTC: Bóng chuyền

Tô hợp môn lựa chọn: Lý, Địa, Tin, GD KT&PL; Chuyên đề học tập: Toán , Văn, Lý ; Môn GDTC: Bóng chuyền									
STT	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh (tên tỉnh)*	Giới tính	Dân tộc	Tổng điểm	Tên trường lớp 9	Ghi chú
1	NGUYEN THY NGUYET	ĐOÀN	25/05/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	41,0	Trường THCS Lý Tự Trọng	
3	VŨ NGOC HUONG	VY	06/04/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	40,0	Trường THCS Lý Tự Trọng	
4	ĐO THANH	SANG	23/03/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	40,0	Trường THCS Lý Tự Trọng	
5	NGUYEN LÊ BAO	NGÂN	21/09/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	40,0	Trường THCS Tân Văn	
3	TẠ PHẠM GIA	NHƯ	02/05/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	40,0	Trường THCS Lý Tự Trọng	
6	GIÀN NGOC NAM	PHƯƠNG	27/07/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	40,0	Trường THCS Lý Tự Trọng	
1	ĐO NGOC	ANH	20/06/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	40,0	Trường THCS Lý Tự Trọng	
7	NGUYEN DUY	MINH	11/09/2011	TP. Đồng Nai	Nam	Kinh	40,0	Trường THCS Tân Văn	
8	NGUYEN DIEU	LINH	09/08/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	39,0	Trường THCS Lý Tự Trọng	
9	NGUYEN THI THU	HONG	10/01/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	39,0	Trường THCS Lý Tự Trọng	
10	LÊ TUONG	VY	26/07/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	38,0	Trường THCS Lý Tự Trọng	
11	LƯU BAO	TRẦN	22/08/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	38,0	Trường THCS Lý Tự Trọng	
12	TRAN GIA	HUÂN	17/09/2011	Lâm Đồng	Nam	Kinh	38,0	Trường THCS Lý Tự Trọng	
13	ĐẶNG HUYNH KHANH	NHI	26/01/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	37,0	Trường THCS Lý Tự Trọng	
14	ĐOÀN NHƯ	QUYNH	18/07/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	37,0	Trường THCS Lý Tự Trọng	
15	PHẠM ANH	KHOI	23/08/2011	Lâm Đồng	Nam	Kinh	37,0	Trường THCS Lý Tự Trọng	
16	PHẠM VIỆT	ANH	18/02/2011	Lâm Đồng	Nam	Kinh	37,0	Trường THCS Lý Tự Trọng	
17	NGUYEN VŨ THAO	LINH	11/11/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	36,0	Trường THCS Lý Tự Trọng	
18	LA NGUYEN KHANH	LY	13/02/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	36,0	Trường THCS Hòa Lạc	
19	PHAN NGUYEN ANH	THU	22/06/2011	TP. Đà Nẵng	Nữ	Kinh	36,0	Trường THCS Hòa Lạc	
20	NGUYEN DUY	ĐIỆP	09/09/2011	Phủ Thọ	Nam	Kinh	36,0	Trường THCS Lý Tự Trọng	
21	NGUYỄN HỮU GIA	HÙNG	30/04/2011	Lâm Đồng	Nam	Kinh	35,0	Trường THCS Lý Tự Trọng	
22	PHẠM TIEN	DỪNG	12/04/2011	Lâm Đồng	Nam	Kinh	35,0	Trường THCS Lý Tự Trọng	
23	HOÀNG QUỐC	MINH	24/08/2011	Lâm Đồng	Nam	Nùng	35,0	Trường THCS Tân Văn	
24	TRAN BA	HẢO	28/04/2011	Lâm Đồng	Nam	Kinh	35,0	Trường THCS Lý Tự Trọng	
25	LÊ THI HOA	MAI	01/01/2011	Thanh Hóa	Nữ	thái	34,0	Trường THCS Đạm Pao	
26	NGUYEN THU	TRÀ	05/10/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	33,0	Trường THCS Tân Văn	
27	VŨI NGOC BAO	HÀN	18/09/2011	Lâm Đồng	Nữ	Thái	32,0	Trường THCS Tân Văn	
28	NGUYEN THUY	TRANG	09/07/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	32,0	Trường THCS Lý Tự Trọng	
29	TRAN GIA	BAO	06/08/2011	Lâm Đồng	Nam	Kinh	31,0	Trường THCS Lý Tự Trọng	
30	THAI ĐOÀN	BAO	18/04/2011	Lâm Đồng	Nam	Kinh	31,0	Trường THCS Lý Tự Trọng	
31	TRAN LÊ GIA	HÀN	22/12/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	30,0	Trường THCS Tân Văn	
32	NGUYEN QUOC BAO	AN	17/03/2011	Lâm Đồng	Nam	Kinh	30,0	Trường THCS Lý Tự Trọng	
33	KA	THU	10/11/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kơ Ho	30,0	Trường THCS Lý Tự Trọng	
34	HO TỰ MINH	NHẬT	05/04/2011	Lâm Đồng	Nam	Kinh	29,0	Trường THCS Lý Tự Trọng	
35	LƠ MU KA LY	SA	05/12/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kơ Ho	29,0	Trường THCS Lý Tự Trọng	
36	LÊ KIEU MINH	PHONG	15/04/2011	Lâm Đồng	Nam	Kinh	29,0	Trường THCS Lý Tự Trọng	
37	VŨI MAI	HÀN	05/12/2011	Lâm Đồng	Nữ	Thái	28,0	Trường THCS Tân Văn	
38	NGUYỄN BẢO BÌNH	MINH	29/03/2011	Lâm Đồng	Nam	Kinh	27,0	Trường THCS Tân Văn	
39	DINH THE	VIỆT	27/08/2011	Lâm Đồng	Nam	Kinh	27,0	Trường THCS Lý Tự Trọng	
40	NGUYỄN ĐÌNH	MINH	17/06/2011	Nghệ An	Nam	Kinh	27,0	Trường THCS Lý Tự Trọng	
41	KA	DIU	03/08/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kơ Ho	34,0	Trường THCS Lý Tự Trọng	
42	KA	HIẾM	22/01/2011	Lâm Đồng	Nữ	Cơ - ho	33,0	Trường THCS Hòa Lạc	
43	CIL HỒ GIA	KIM	12/01/2011	Lâm Đồng	Nam	Cil	29,0	Trường THCS Hòa Lạc	
44	RỒ ỒNG ĐỀ	KHIN	18/12/2010	Lâm Đồng	Nam	Cli		Xin học lại	

(Danh sách này gồm 44 học sinh; trong đó có 20 học sinh nam và 10 học sinh DTTS)



PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thọ Hiền

DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 10A9 - Năm học 2026 - 2027

GVCN:

Tổ hợp môn lựa chọn: Hoá, Sinh, CNNN, GD KT&PL; Chuyên đề học tập: Toán, Hoá, Sinh; Môn GDTC: Bóng chuyền

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh (tên tỉnh)*	Giới tính	Dân tộc	Tổng điểm	Tên trường lớp 9	Chí chú
1	PANG TING BRIAN	06/12/2011	Lâm Đồng	Nam	K'Ho	40,0	Trường PTDTNT THCS Lâm Hà	
2	NGUYEN HANH HIEN	31/08/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	41,0	Trường THCS Hòa Lạc	
3	RÕ ONG TRAN KHANH THI	04/08/2011	Lâm Đồng	Nữ	Cil	41,0	Trường THCS Đam Pao	
4	TRAN CHI NHAN	20/08/2011	Lâm Đồng	Nam	Kinh	40,0	Trường THCS Lý Tự Trọng	
5	TRAN HA NGOC DIEP	12/06/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	40,0	Trường THCS Lý Tự Trọng	
6	PHAM NGUYEN KHANH HUYNH	18/10/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	40,0	Trường THCS Lý Tự Trọng	
7	DUONG PHAM THAO NGUYEN	13/06/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	40,0	Trường THCS Lý Tự Trọng	
8	NGUYEN CONG MINH	25/08/2011	TP. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	40,0	Trường THCS Tân Văn	
9	NGUYEN TRAN NHAT LAM	06/10/2011	Lâm Đồng	Nam	Kinh	40,0	Trường THCS Lý Tự Trọng	
10	LE NGOC CHAU GIANG	11/09/2011	Ninh Bình	Nữ	Kinh	40,0	Trường THCS Tân Văn	
11	LO MU KA CAN	10/08/2011	Lâm Đồng	Nữ	Cil	39,0	Trường THCS Hòa Lạc	
12	LE NGOC CHAU ANH	25/08/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	38,0	Trường THCS Lý Tự Trọng	
13	HUA VAN BAO LAM	07/12/2011	Lâm Đồng	Nam	Nung	38,0	Trường THCS Tân Văn	
14	K' HUNG	06/01/2011	Lâm Đồng	Nam	K'ơ Ho	38,0	Trường THCS Lý Tự Trọng	
15	VU DIEP HA THAO	09/11/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	38,0	Trường THCS Lý Tự Trọng	
16	CO LIENG QUYNH	04/08/2011	Lâm Đồng	Nữ	Cil	38,0	Trường THCS Đam Pao	
17	KA LE VY	21/11/2011	Lâm Đồng	Nữ	Cil	38,0	Trường THCS Hòa Lạc	
18	KO SA RE MI	22/06/2011	Lâm Đồng	Nữ	cil	38,0	Trường THCS Đam Pao	
19	TRAN VU MINH HIEU	02/10/2011	Lâm Đồng	Nam	Kinh	38,0	Trường THCS Tân Văn	
20	HA ANH THU	04/10/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	38,0	Trường THCS Tân Văn	
21	CHU THI PHUONG THAO	05/10/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	37,0	Trường THCS Tân Văn	
22	NGO THIEN DONG	21/05/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	37,0	Trường THCS Lý Tự Trọng	
23	VU VAN HUY	13/09/2011	Lâm Đồng	Nam	Kinh	37,0	Trường THCS Lý Tự Trọng	
24	JO LONG K' KIEN	19/11/2011	Lâm Đồng	Nam	K'ơ Ho	37,0	Trường THCS Lý Tự Trọng	
25	DINH THI KHANH LY	20/09/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	37,0	Trường THCS Đam Pao	
26	PHAN THANH NHAN	10/11/2011	TP. Đồng Nai	Nam	Kinh	36,0	Trường THCS Đam Pao	
27	BE QUANG DUY	26/01/2011	Lâm Đồng	Nam	Nung	35,0	Trường THCS Lý Tự Trọng	
28	LE CHAN MINH	16/06/2011	Lâm Đồng	Nam	Hoa	35,0	Trường THCS Tân Văn	
29	DINH GUR KA LUSY	19/07/2011	Lâm Đồng	Nữ	Cil	35,0	Trường THCS Đam Pao	
30	LE NGOC MAI	09/02/2011	Lâm Đồng	Nữ	Hoa	34,0	Trường THCS Tân Văn	
31	NGUYEN QUANG DANG	08/07/2011	Lâm Đồng	Nam	Kinh	34,0	Trường THCS Tân Văn	
32	TRAN MINH DUC	26/03/2011	Lâm Đồng	Nam	Kinh	34,0	Trường THCS Tân Văn	
33	HOANG LINH DAN	21/03/2011	TP. Hồ Chí Minh	Nữ	Thổ	33,0	Trường THCS Lý Tự Trọng	
34	LO THI XUAN MAY	14/01/2011	Lâm Đồng	Nữ	Thái	33,0	Trường THCS Phúc Thọ	
35	LONG THI ANH THU	02/08/2011	Lâm Đồng	Nữ	Nung	33,0	Trường THCS Lý Tự Trọng	
36	HOANG LE YEN NHI	16/04/2011	Đắk Lắk	Nữ	Kinh	31,0	Trường THCS Hòa Lạc	
37	HOANG VY TRUNG KIEN	20/11/2011	Lâm Đồng	Nam	Nung	31,0	Trường THCS Tân Văn	
38	NGUYEN VU KHOA DANG	03/09/2010	Lâm Đồng	Nam	Kinh	30,0	Trường THCS Lý Tự Trọng	
39	DUONG HOANG BAO THU	25/03/2011	Khánh Hòa	Nữ	Kinh	29,0	Trường THCS Lý Tự Trọng	
40	NGUYEN THI NGOC NGUYEN	26/12/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	28,0	Trường THCS Tân Văn	
41	K' BOS	11/04/2011	Lâm Đồng	Nam	K'ơ ho	28,0	Trường THCS Lý Tự Trọng	
42	KO SA LE MAC	16/05/2011	Lâm Đồng	Nam	Cil	27,0	Trường THCS Đam Pao	
43	NGUYEN BAO HUNG	03/02/2011	TP. Huế	Nam	Kinh	38,0	Trường THCS Lý Tự Trọng	
44	HO KIA TRA MY	30/03/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	38,0	Trường THCS Lý Tự Trọng	
45	TRAN YEN TRANG	30/08/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	38,0	Trường THCS Tân Văn	
46	BUI THI DIEM MY	05/08/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	37,0	Trường THCS Đam Pao	
47	DINH NGOC BAO UYEN	14/09/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	37,0	Trường THCS Đam Pao	
48	TRAN DINH THIEN AN	11/08/2011	Lâm Đồng	Nam	Kinh	37,0	Trường THCS Lý Tự Trọng	

(Danh sách này gồm 48 học sinh; trong đó có 20 học sinh nam và 17 học sinh nữ)

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG

TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

LÂM HÀ

Nguyễn Thọ Hiền

DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 10A10 - Năm học 2026 - 2027

GVCN:

Tổ hợp môn lựa chọn: Lý, Hoá, Sinh, Tin; Chuyên đề học tập: Toán, Hoá, Sinh; Môn GDTC: Bóng chuyền

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh (tên tỉnh) ^a	Giới tính	Dân tộc	Tổng điểm	Tên trường lớp 9	Ghi chú
1	NGUYỄN BẢO DUY	04/06/2011	Lâm Đồng	Nam	Kinh	41,0	Trường THCS Lý Tự Trọng	
2	LO KY NAM	30/04/2011	Lâm Đồng	Nam	Thái	41,0	Trường THCS Đam Pao	
3	LÊ CHU VIỆT	01/04/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	40,5	Trường THCS Lý Tự Trọng	
4	NGUYỄN TRẦN QUỲNH	05/10/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	40,0	Trường THCS Lý Tự Trọng	
5	ĐOÀN QUỲNH ANH	02/08/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	40,0	Trường THCS Lý Tự Trọng	
6	HUYỀN NGÔ HAI YẾN	13/06/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	40,0	Trường THCS Lý Tự Trọng	
7	PHẠM KHANH HUYỀN	27/02/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	40,0	Trường THCS Lý Tự Trọng	
8	TRẦN KHANH NGÂN	17/06/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	40,0	Trường THCS Lý Tự Trọng	
9	VÕ NGỌC HUYỀN	01/07/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	40,0	Trường THCS Lý Tự Trọng	
10	NGUYỄN AN THÁI	29/04/2011	Lâm Đồng	Nam	Kinh	40,0	Trường THCS Tân Văn	
11	BUI ĐO BẢO QUỲNH	24/04/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	40,0	Trường THCS Lý Tự Trọng	
12	VŨ QUỲNH NHÌ	02/01/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	40,0	Trường THCS Lý Tự Trọng	
13	NGUYỄN TIẾN GIA HUY	13/03/2011	Lâm Đồng	Nam	Kinh	40,0	Trường THCS Lý Tự Trọng	
14	PHẠM THỊ BẢO TRÂM	22/02/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	40,0	Trường THCS Lý Tự Trọng	
15	VŨ DUY KHOA	12/12/2011	Lâm Đồng	Nam	Kinh	40,0	Trường THCS Lý Tự Trọng	
16	NGUYỄN HỮU NHÀ KHANH	24/01/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	40,0	Trường THCS Lý Tự Trọng	
17	ĐẶNG QUANG TRUNG	19/09/2011	Lâm Đồng	Nam	Kinh	40,0	Trường THCS Lý Tự Trọng	
18	ĐINH THỊ THẢO UYÊN	08/08/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	40,0	Trường THCS Đam Pao	
19	NGUYỄN THỊ BẢO CHÂU	09/02/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	40,0	Trường THCS Lý Tự Trọng	
20	PHAN TRẦN GIANG	12/10/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	40,0	Trường THCS Tân Văn	
21	NGUYỄN THỊ MAI ANH	13/04/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	40,0	Trường THCS Lý Tự Trọng	
22	NGUYỄN PHÙNG THUY LÂM	24/05/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	40,0	Trường THCS Lý Tự Trọng	
23	TRẦN LÊ KIM NGÂN	13/07/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	40,0	Trường THCS Lý Tự Trọng	
24	PHẠM TRẦN THẢO NHÌ	09/06/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	40,0	Trường THCS Lý Tự Trọng	
25	ĐÀO TRẦN PHƯƠNG VY	25/02/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	40,0	Trường THCS Lý Tự Trọng	
26	NGUYỄN HUY GIA KHIÊM	02/06/2011	TP. Hồ Chí Minh	Nam	Kinh	40,0	Trường THCS Lý Tự Trọng	
27	CIL KA BEN NGUYỄN	08/08/2011	Lâm Đồng	Nữ	Lach	40,0	Trường THCS Lý Tự Trọng	
28	NGUYỄN NGỌC NHƯ QUỲNH	10/09/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	40,0	Trường THCS Lý Tự Trọng	
29	PHẠM NGÂN KHÁNH	24/04/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	40,0	Trường THCS Lý Tự Trọng	
30	TĂNG THE DÔNG	03/02/2011	Lâm Đồng	Nam	Kinh	40,0	Trường THCS Lý Tự Trọng	
31	PHẠM NGỌC MINH DĂNG	18/05/2011	Lâm Đồng	Nam	Kinh	40,0	Trường THCS Lý Tự Trọng	
32	THÁI VŨ MAI NGUYỄN	11/11/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	40,0	Trường THCS Lý Tự Trọng	
33	NGUYỄN HỮU KHAI HOÀN	14/08/2011	Lâm Đồng	Nam	Kinh	40,0	Trường THCS Hòa Lạc	
34	PHẠM ANH THU	31/08/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	40,0	Trường THCS Lý Tự Trọng	
35	PHẠM TRẦN VĂN KHÁNH	14/09/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	40,0	Trường THCS Lý Tự Trọng	
36	NGUYỄN THAI HOÀNG ANH	28/04/2011	Lâm Đồng	Nam	Kinh	40,0	Trường THCS Lý Tự Trọng	
37	PHẠM NGỌC KHANH MỸ	24/10/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	40,0	Trường THCS Lý Tự Trọng	
38	HOÀNG TƯỜNG PHƯƠNG VY	06/05/2011	Lâm Đồng	Nữ	Tây	40,0	Trường THCS Tân Văn	
39	GIÀN TUẤN TÚ	28/03/2011	Lâm Đồng	Nam	Kinh	40,0	Trường THCS Hòa Lạc	
40	LÊ THỊ MINH THU	28/11/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	40,0	Trường THCS Lý Tự Trọng	
41	NGUYỄN THỊ ANH	30/12/2011	Lâm Đồng	Nam	Kinh	39,0	Trường THCS Hòa Lạc	
42	HOÀNG TRONG KHA	02/11/2011	Lâm Đồng	Nam	Kinh	39,0	Trường THCS Lý Tự Trọng	
43	ĐINH TRONG TOÀN	18/02/2011	Lâm Đồng	Nam	Kinh	39,0	Trường THCS Tân Văn	
44	NGUYỄN TRONG GIA KHANG	11/02/2011	Lâm Đồng	Nam	Kinh	39,0	Trường THCS Lý Tự Trọng	
45	VŨ PHÚC AN KHANG	16/10/2011	Lâm Đồng	Nam	Kinh	39,0	Trường THCS Tân Văn	
46	ĐƯỜNG HOANG TÙNG	24/02/2011	Lâm Đồng	Nam	Kinh	39,0	Trường THCS Tân Văn	
47	LONG DINH DA-NIÊN	13/07/2011	Lâm Đồng	Nữ	Cil	39,0	Trường THCS Đam Pao	
48	NGUYỄN THANH THẢO	01/06/2011	Lâm Đồng	Nữ	Kinh	39,0	Trường THCS Hòa Lạc	

(Danh sách này gồm 48 học sinh; trong đó có 18 học sinh nam và 04 học sinh dân tộc thiểu số)

PHÓ HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG
TRUNG HỌC PHỔ THÔNG
LÂM HÀ
Nguyễn Thọ Hiền